TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HSST
Ngày 21 - 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thiên Nga.

+ Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Đoàn Thị Kim Chuyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương, cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Linh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Uông Bí xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2018/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 62/QĐXX ngày 4/5/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Văn T**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 31/3/1997 tại thị xã T, tỉnh N; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: thôn Y, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị C; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: chưa có; Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 14/01/2018, hiện đang tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Công ty cổ phần than D.

Địa chỉ: Số 185 đường C, phường D , thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Xuân T - chức vụ : Giám đốc Công ty.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ; Trưởng phòng Bảo vệ - Quân sự.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin xử vắng mặt)

2. Trung tâm viễn thông 2, Công ty Viễn thông N.

Địa chỉ: Số 195 đường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện theo pháp luật : Ông Vũ Đình G - chức vụ : Giám đốc Trung tâm.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D - chức vụ : Phó giám đốc.

Có mặt tại phiên tòa.

3.**Người làm chứng**:

1. Anh Nguyễn Thành B, sinh năm 1978 .

Trú quán: Tổ 12A, khu 4, phường T, thành phố B,tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Đỗ Văn M, sinh năm 1985.

Trú quán: Tổ 1, khu 5A, phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Hoàng Trung T, sinh năm 1973 .

Trú quán: Tổ 5, khu 7, phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1976 .

Trú quán: Khu M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

5. Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1983 .

Trú quán: Tổ 9, khu 3, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

6. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1980.

Trú quán: Tổ 3, khu 4, phường D, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

7. Anh Nguyễn Văn Anh – sinh năm 1974 .

Trú quán : Thôn Y, xã Đ, thị xã T , tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có ý định trộm cắp tài sản để có tiền chi tiêu cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến ngày 14-01-2018, Hoàng Văn T đã nhiều lần trộm cắp tài sản trong đó có 12 lần trộm cắp cáp viễn thông của Trung tâm viễn thông N và 02 lần trộm cắp dây cáp tín hiệu của Công ty Cổ phần than D-Vinacomin.

Cụ thể 12 vụ trộm cắp cáp viễn thông của Trung tâm viễn thông 2, Công ty Viễn thông N như sau:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 04-11-2017, T tự ý lấy và điều khiển xe mô tô của gia đình (xe mô tô do Trung Quốc sản xuất, nhãn hiệu Future, không có biển kiểm soát, màu đỏ) mang theo 01 chiếc lưỡi cưa sắt và 01 chiếc bật lửa ga đi từ nhà tại thôn Y, xã Đ, thị xã T đến thành phố B mục đích để cắt trộm dây cáp Viễn thông. Khi đi đến đoạn đường nhựa, lối đi vào chùa Y thuộc khu Đ, phường P, thành phố B, T quan sát thấy có dây cáp Viễn thông treo trên các cột điện cạnh lề đường nên đã dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 120m loại 50 x 2 x 0,5. Sau đó, T cắt thành nhiều đoạn ngắn và dùng xe mô tô chuyển số dây cáp này đến vị trí sườn đồi cây cách vị trí cắt trộm khoảng 400m rồi dùng củi khô và bật lửa ga đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. Rạng sáng, T mang số lõi đồng trên đi. Trên đường đi, T đã vứt lưỡi cưa đi, đồng thời bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ hai: Tối ngày 08-11-2017, T điều khiển xe mô tô của gia đình đi đến đoạn đường có một bãi đất trống thuộc khu Đ, phường P, thành phố B mục đích trộm cắp tài sản. T dừng xe lại, đi đến một cây cột điện có treo 01 chiếc hộp điện kích thước khoảng (20 x 40 x 60) tại vị trí trên thân cột, cách mặt đất khoảng 1,2m, có một đầu dây cáp Viễn thông nối từ trong hộp điện lên trên các đầu cột

điện xung quanh. Thời dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 45m dây cáp Viễn thông loại 100 x 2 x 0,5 cm. Sau đó, T kéo đoạn dây cáp này đến vị trí sườn đồi cây cách vị trí cắt trộm khoảng 30m rồi đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. Rạng sáng ngày hôm sau, T cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về và bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ ba: Tối ngày 14-11-2017, T điều khiển xe mô tô đến đoạn đường nhựa thuộc khu Đ, phường P, thành phố B, T dừng xe lại, dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 12m dây cáp Viễn thông loại 100 x 2 x 0,5. Sau đó, T chuyển số đoạn dây cáp này đến vị trí sườn đồi cây mà T đã đốt lấy lõi đồng ở vụ thứ nhất, cách vị trí này khoảng 200m rồi đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. Rạng sáng ngày hôm sau, T cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về, rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ tư: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 01-12-2017, T điều khiển xe mô tô đến khu vực Nghĩa trang nhân dân thuộc thôn M, xã Thượng C, thành phố B. T dừng xe lại, đi bộ lên sườn đồi cạnh đường nhựa liên xã (đường đi từ phường D đi xã C) rồi dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 200m dây cáp Viễn thông loại 100 x 2 x 0,5. Sau đó, T chuyển số đoạn dây cáp này đến vị trí đường đất bên cạnh Nghĩa trang này, cách vị trí cắt trộm khoảng 50m, đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. Rạng sáng ngày hôm sau, T cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ năm: Tối ngày 04-12-2017, T điều khiển xe mô tô đến khu vực thuộc thôn M, xã C, thành phố B. T dừng xe lại, dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 115m dây cáp Viễn thông loại 100 x 2 x 0,5. Sau đó, T chuyển số đoạn dây cáp này đến một ngôi nhà bỏ hoang thuộc thôn M, xã C, cách vị trí cắt trộm khoảng 60m, đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. T nằm ngủ cạnh đó đến rạng sáng ngày hôm sau, T dậy cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ sáu: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 07-12-2017, T điều khiển xe mô tô đến đoạn đường thuộc khu N, phường P, thành phố B, Thời dừng xe lại, dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 40m dây cáp Viễn thông loại 100 x 2 x 0,5. Sau đó, T chuyển số đoạn dây cáp này đến vị trí sườn đồi cây thuộc khu L, phường P, cách vị trí cắt trộm khoảng 03km, đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. Rạng sáng ngày hôm sau, T dậy cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ bảy: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 14-12-2017, T điều khiển xe mô tô đến khu vực thuộc thôn M, xã C, thành phố B, T dừng xe lại, dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 80m dây cáp Viễn thông loại 100 x 2 x 0,5. Sau đó, T chuyển số đoạn dây cáp này đến một ngôi nhà bỏ hoang thuộc thôn M, xã C (cùng vị trí đã đốt lấy lõi đồng ở vụ thứ năm), đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. T nằm ngủ cạnh đó đến rạng sáng ngày hôm sau, Tdậy cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ tám: Tối ngày 16-12-2017, tương tự như trên, T điều khiển xe mô tô đến khu vực thuộc thôn S, xã C, thành phố B, T dừng xe lại, dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 80m dây cáp Viễn thông loại 100 x 2 x 0,5. Sau đó, T chuyển số đoạn dây cáp này đến sườn đồi cạnh đường liên xã (từ phường Đ đi xã C) thuộc

thôn M, xã C, cách vị trí cắt trộm khoảng 1,5km, T đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. Sau đó, cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về, rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ chín: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 23-12-2017, T điều khiển xe mô tô đến khu vực phía sau Uỷ ban nhân dân phường D thuộc tổ 2, khu 2, phường D, thành phố B, T dừng xe lại, dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 60m dây cáp Viễn thông loại 100 x 2 x 0,5. Sau đó, dùng xe mô tô chuyển số đoạn dây cáp này đến sườn đồi cạnh đường liên xã (từ phường S đi phường D) thuộc khu T, phường D, cách vị trí cắt trộm khoảng 02km. T đốt cháy vỏ cao su bên ngoài; sau đó, mang số cáp này đi về rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ mười: Tối ngày 27-12-2017, T điều khiển xe mô tô đến khu vực thuộc tổ 3, khu 8, phường D, thành phố B, T dừng xe lại, dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 150m dây cáp Viễn thông loại 50 x 2 x 0,5. Sau đó, T chuyển số đoạn dây cáp này đến khu đất trống, cách vị trí cắt trộm khoảng 300m. T đốt cháy vỏ cao su bên ngoài; sau đó, cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về. Trên đường về, rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ mười một: Tối ngày 30-12-2017, T điều khiển xe mô tô đến khu vực thuộc tổ 1, khu 9, phường D, thành phố B, T dừng xe lại, dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 70m dây cáp Viễn thông loại 50 x 2 x 0,5. T dùng xe mô tô chuyển số đoạn dây cáp này đến khu đất trống, cách vị trí cắt trộm khoảng 300m, T đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. Sau đó, T cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về, rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

- Vụ thứ mười hai: Tối ngày 09-01-2018, Thời điều khiển xe mô tô đến khu vực thuộc tổ 4, khu 8, phường D, thành phố B. Cách vị trí đã trộm cắp tài sản vào ngày 27-12-2017 khoảng gần 100m, T dừng xe lại, đi bộ đến một cây cột điện có treo 01 chiếc hộp điện kích thước khoảng 20cm x 40cm x 60cm tại vị trí trên thân cột, cách mặt đất khoảng 1,4m, có một đầu dây cáp Viễn thông nối từ trong hộp điện lên trên các đầu cột điện xung quanh. T dùng lưỡi cưa sắt cắt trộm khoảng 100m dây cáp Viễn thông loại 50 x 2 x 0,5. T chuyển số đoạn dây cáp này đến khu đất trống đã đốt lấy lõi đồng ở vụ thứ mười nêu trên, đốt cháy vỏ cao su bên ngoài. Sau đó, T cuộn gọn số lõi đồng lại và dùng xe mô tô chuyển về rồi bán số lõi đồng này cho một hiệu thu mua phế liệu.

Tổng số dây cáp viễn thông T trộm cắp được trong mười hai vụ trên là 1.180m (một nghìn một trăm tám mươi mét), trong đó có 440m (bốn trăm bốn mươi mét) dây cáp loại 50x2x0,5 và 740m (bảy trăm bốn mươi mét) dây cáp loại 100x2x0,5.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG, ngày 12-02-2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Uông Bí xác định: 740m (bảy trăm bốn mươi mét) dây cáp viễn thông loại 100x2x0,5 (đơn giá 120.000đồng/01 mét) có giá 88.800.000đ (tám mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng); 440m (bốn trăm bốn mươi mét) dây cáp viễn thông loại 50x2x0,5 (đơn giá 65.000đồng/ 01 mét) có giá 28.600.000đ (hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản là: 117.400.000đ (Một trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Cụ thể 02 vụ trộm cắp cáp viễn thông của Công ty cổ phần than D như sau:

- Vụ thứ nhất: Buổi sáng ngày 31-12-2017, T đến khu vực khai trường thuộc

Công ty cổ phần than D, rồi trèo lên một cột bê tông dùng lưỡi cưa cắt một đầu dây cáp tín hiệu loại có đường kính khoảng 04cm, rồi kéo đầu dây này xuống và cắt tiếp đầu còn lại được 30m (ba mươi mét). Sau đó, T mang đoạn dây cáp này đến vị trí sườn đồi cây cách nơi đã cắt trộm dây cáp khoảng 70m, T dùng củi khô và bật lửa đốt đoạn dây cáp này. Khi đang đốt đoạn dây cáp điện thì lực lượng bảo vệ Công ty than D đi tuần tra đến, T đã bỏ chạy lên đồi và bị rơi lại đôi dép nhựa màu trắng. Một lúc sau, T đón xe buýt đi về nhà. Số lõi đồng do đốt dây cáp điện mà T cắt trộm và đôi dép nhựa màu trắng của T đã bị lực lượng bảo vệ Công ty cổ phần than D thu giữ.

- Vụ thứ hai: 12 giờ 00 phút, ngày 14-01-2018, Hoàng Văn T từ nhà chuẩn bị và mang theo 01 chiếc lưỡi cưa, 01 chiếc bật lửa rồi đón xe ô tô buýt đến Công ty cổ phần than D. Khi đến nơi, T đi bộ lên khu vực khai trường rồi đến vị trí hệ thống đường tàu chạy bằng điện (khu vực IIK 1000), xung quanh có nhiều cột điện bằng bê tông, phía trên có treo nhiều loại dây cáp điện tín hiệu. T trèo lên một cột bê tông, dùng lưỡi cưa mang theo cắt một đầu dây cáp điện loại có đường kính khoảng 04cm, rồi kéo đầu dây này xuống và cắt tiếp đầu còn lại được 8,4m (tám phẩy tư mét). T chuyển đoạn dây cáp điện này lên đồi cây cách nơi đã cắt trộm dây cáp điện khoảng 800m. Sau đó, T dùng củi khô và bật lửa đốt đoạn dây cáp điện này, mục đích để lấy lõi đồng ở bên trong. T chờ cho lõi đồng nguội rồi cuộn lõi đồng lại và bọc vào chiếc áo khoác màu xám đen của Thời đang mặc. Sau đó, T mang theo số lõi đồng này đi bộ ra ngoài để đi về. Trên đường đi, T bị lực lượng bảo vệ của Công ty cổ phần than D bắt giữ cùng số lõi đồng vừa trộm cắp được và đưa về trụ sở Công ty cổ phần than D để làm việc.

Bản Kết luận định giá tài sản số 06, ngày 17-01-2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng thành phố Uông Bí kết luận: 01 đoạn dây cáp tín hiệu dài 8,4m có giá trị là 3.662.400đ (ba triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm đồng); 01 đoạn dây cáp tín hiệu dài 30m có giá trị là 13.080.000đ (mười ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng giá trị hai đoạn dây cáp trên là 16.742.400đ (mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản T trộm cắp của Công ty than D và Trung tâm viễn thông 2, Công ty Viễn thông N: 134.142.400đ (một trăm ba mươi tư triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Giai đoạn điều tra, bị hại là Công ty cổ phần than D và Trung tâm viễn thông 2, Công ty Viễn thông N yêu cầu bồi thường thiệt hại phần tài sản bị trộm cắp theo Kết luận định giá, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Giai đoạn điều tra, những người làm chứng anh Nguyễn Thành B, anh Đỗ Văn M, anh Hoàng Trung T, anh Nguyễn Hữu T, anh Nguyễn Mạnh Tg, anh Phạm Văn H, anh Nguyễn Văn A khai nội dung sự việc như bị cáo đã trình bày nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKSUB ngày 04-04-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 54 đến 60 tháng tù về tội "***Trộm cắp tài sản***".

- Áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự đề nghị:

+ Tịch thu xung quĩ nhà nước 02 (hai) đoạn dây lõi đồng dài 8,4m và 30m. Tịch thu tiêu hủy 01(một) chiếc áo khoác nam màu xám - đen; 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ; 01 (một) đôi dép nhựa màu trắng; 03 chiếc lưỡi cưa sắt cùng có dài 30cm, rộng 02cm; 01 (một) đôi găng tay len màu vàng - đen; 10 (mười) mảnh kim loại bị biến dạng, có bám dính bụi than màu đen, có chiều dài khoảng từ 10cm đến 30cm.

Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 6-4-2018 giữa Công an TP.Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự TP.Uông Bí.

Áp dụng: điểm b khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015; điều 357, điều 468, điều 584, điều 585, điều 586, điều 589 Bộ luật dân sự 2015:

Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường cho Trung tâm viễn thông 2, Công ty Viễn thông N số tiền 117.400.000đ (một trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) và bồi thường cho Công ty cổ phần than D 16.742.400^{đ} (Mười sáu triệu bẩy trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận: Việc truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là đúng người đúng tội, không oan tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu thu thập: Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên Công an thành phố Uông Bí, của Viện Kiểm sát nhân dân, của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về các chứng cứ, tài liệu đã thu thập; hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn T khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2017 đến ngày 14- 01-2018,

trên địa bàn các phường Đ, phường D và xã C, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh, Hoàng Văn T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã hai lần trộm cắp tài sản là dây cáp tín hiệu của Công ty Cổ phần than D với tổng giá trị tài sản là 16.742.400^{đ} (Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng) và 12 lần trộm cắp tài sản là cáp viễn thông của Trung tâm viễn thông 2, Công ty Viễn thông N với tổng giá trị tài sản là 117.400.000^{đ} (một trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản Thời trộm cắp là 134.142.400^{đ} (một trăm ba mươi tư triệu một trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Hành vi của bị cáo Hoàng Văn T đủ yếu tố cấu thành tội: "***Trộm cắp tài sản***" " theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt: Theo quy định về mức hình phạt đối với người phạm tội "***Trộm cắp tài sản "*** quy định tại khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì đều có mức hình phạt từ hai năm đến bẩy năm tù, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh cách ly bị cáo ra khỏi xã hội 1 thời gian nhất định, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho gia đình, cho xã hội .

[3.1] Về nhân thân: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù bị cáo chưa có tiền án tiền sự, nhưng chỉ trong 1 thời gian ngắn bị cáo liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, gây mất trật tự trị an tại địa phương và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng như sinh hoạt thông tin của người dân.

[3.2] Tình tiết tăng nặng: Từ tháng 11 năm 2017 đến ngày 14- 01-2018 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 14 lần của 2 công ty thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự " *phạm tội 2 lần trở lên*" quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3.3] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bản thân bị cáo khi bị tạm giam tại Cơ quan điều tra đã tự thú về 12 vụ trộm cắp tài sản mà bị cáo thực hiện trước đó. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, người phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000^{đ} (Năm triệu đồng) đến 50.000.000^{đ} (Năm mươi triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Hoàng Văn T là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho Trung tâm viễn thông 2, Công ty Viễn thông N số tiền 117.400.000đ (một trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), Công ty cổ phần than D 16.742.400đ (mười sáu triệu bẩy trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm đồng). Tổng số tiền phải bồi thường là 134.142.400đ (một trăm ba mươi tư triệu một trăm

bốn mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

[6] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng gồm 01(một) chiếc áo khoác nam màu xám – đen; 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ; 01 (một) đôi dép nhựa màu trắng; 03 chiếc lưỡi cưa sắt cùng có dài 30cm, rộng 02cm; 01 (một) đôi găng tay len màu vàng – đen; 10 (mười) mảnh kim loại bị biến dạng, có bám dính bụi than màu đen, có chiều dài khoảng từ 10cm đến 30cm là công cụ phương tiện sử dụng vào việc phạm tội và đã cũ vì vậy cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu xung quĩ nhà nước 02 (hai) đoạn dây lõi đồng dài 8,4m và 30m

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 6-4-2018 giữa Công an TP.Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự TP.Uông Bí)

[7] Đối với Nguyễn Văn A là người mua lõi đồng do T mang đến bán, nhưng không biết về nguồn gốc số dây đồng của T là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hoàng Văn T và bị hại có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Hoàng Văn T đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản''*

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015:

2. Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn T 48 (Bốn mươi tám) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt 14/01/2018.

3. Áp dụng: Khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1, khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự đề nghị:

+ Tịch thu xung quĩ nhà nước 02 (hai) đoạn dây lõi đồng dài 8,4m và 30m.

+ Tịch thu tiêu hủy 01(một) chiếc áo khoác nam màu xám - đen; 01 (một) chiếc bật lửa ga màu đỏ; 01 (một) đôi dép nhựa màu trắng; 03 chiếc lưỡi cưa sắt có chiều dài 30cm, rộng 02cm; 01 (một) đôi găng tay len màu vàng - đen; 10 (mười) mảnh kim loại bị biến dạng, có bám dính bụi than màu đen, có chiều dài khoảng từ 10cm đến 30cm.

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 6-4-2018 giữa Công an TP.Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự TP.Uông Bí)

4. Áp dụng: điểm b khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015; điều 357, điều 468, điều 584, điều 585, điều 586, điều 589 Bộ luật dân sự 2015:

Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường cho Trung tâm viễn thông 2, Công ty Viễn thông N số tiền 117.400.000đ (một trăm mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), bồi thường cho Công ty cổ phần than D 16.742.400đ (Mười sáu triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm đồng). Tổng số tiền phải bồi thường là 134.142.400đ (một trăm ba mươi tư triệu một trăm bốn mươi hai ngàn bốn trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

5. Áp dụng: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Hoàng Văn T phải nộp 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 6.707.120 (Sáu triệu bảy trăm linh bảy ngàn một trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Áp dụng: Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;bị hại
- VKSND TP.Uông Bí;
- Công an TP.Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP.Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; Lưu TA

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thiên Nga